

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên dự toán: Mua nhiên liệu Quý I năm 2026 (QPK)

Tên Gói thầu: Mua nhiên liệu Quý I năm 2026 (QPK)

Giá gói thầu: 981.880.000 đồng.

Nguồn vốn: Nguồn kinh phí quốc phòng Quý I năm 2026 (QPK).

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026.

Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh.

Thời gian thực hiện gói thầu: 05 ngày.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1 Yêu cầu kỹ thuật chung

- Hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Chương này;

- Hàng hóa cung cấp đúng chủng loại, đủ số lượng theo phạm vi cung cấp của gói thầu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn trong E-HSMT.

Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện, hướng dẫn và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chi phí vận chuyển, kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, và bàn giao hàng hóa do nhà thầu chi trả.

Giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhà thầu phải cung cấp: Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa; Biện pháp tổ chức đảm bảo chất lượng hàng hóa cung cấp; An toàn lao động và vệ sinh môi trường; Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao.

Toàn bộ những trường hợp hỏng hóc, không đúng, không đủ thông số kỹ thuật sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.

1.2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Chủ đầu tư, bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do nhà thầu chào để khẳng định hàng hóa có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu trong E-HSMT.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không thực hiện cung cấp đầy đủ hàng mẫu trong khoảng thời gian yêu cầu thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt theo quy định.

- Khi giao nhận hàng phải tuân thủ các yếu tố sau:

+ Đơn vị tính trong giao nhận lít thực tế.

+ Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777: 2007 (ASTM D 4057-06);

+ Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng, quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);

- Đối với hàng hóa chủ đầu tư muốn gửi lại. Nhà thầu phải đồng ý giữ hàng lại trong kho của nhà thầu (Không tính phí lưu kho, hao hụt đối với hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại). Hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại, nhà thầu phải đồng ý vận chuyển cho chủ đầu tư chậm nhất sau 12 giờ kể từ khi có yêu cầu của chủ đầu tư (không tính chi phí vận chuyển).

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của toàn bộ hàng hoá cung cấp. Trường hợp xảy ra bất kỳ khiếu kiện liên quan đến hàng hoá mà nhà thầu cung cấp thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu nếu trường hợp xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

Trong trường hợp có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng nhận phân tích đối với các hàng hóa Nhà thầu đã cung cấp;

- Thu hồi; đổi trả: Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được, có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu hoặc phát hiện nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa không hợp pháp.

*** Đối với hàng hoá nhập khẩu:**

- Cung cấp bản scan từ bản gốc của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng; trường hợp chưa có Giấy chứng nhận C/O thì phải cung cấp bản scan từ bản gốc của Văn bản thông báo xác định trước xuất xứ hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

*** Đối với hàng hoá sản xuất trong nước:**

- Cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

*** Đối với Diesel 0.05S-II:**

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu dưới dạng bản chụp màu (scan màu) từ bản gốc và đính kèm trong E-HSMT:

- Cung cấp Chứng thư giám định chất lượng lô hàng (trường hợp Chứng thư tra cứu trực tuyến được tại website của Tổ chức giám định thì cung cấp mã số hồ sơ tra cứu, hoặc mã quét QRcode thay thế cho chứng thực);

- Các Phiếu kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá chào thầu của Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận VILAS để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng toàn bộ chỉ tiêu chất lượng (Ngày nhận mẫu và nơi gửi mẫu là bất kỳ);

*** Đối với Nhớt 15W40:**

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu dưới dạng bản chụp màu (scan màu) từ bản gốc và đính kèm trong E-HSDT:

- Có cam kết hàng hoá nguyên đai, nguyên kiện, sản xuất từ năm 2025 trở về sau với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Chương này;

- Cam kết hàng hoá mới 100%, mức giá gói thầu là mức giá tối đa, đã bao gồm: thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, hướng dẫn sử dụng và bảo hành bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng;

- Các Phiếu kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá chào thầu của Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận VILAS để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng toàn bộ chỉ tiêu chất lượng (Ngày nhận mẫu và nơi gửi mẫu là bất kỳ);

- Chứng nhận xuất xứ (CO); chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc chứng chỉ phù hợp (CC) đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu;

- Chứng tư giám định chất lượng đối với dầu động cơ Diesel 15W40 do đơn vị thẩm quyền được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng chỉ định.

- Giấy chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN và được phép sử dụng dấu hợp quy (CR) còn hiệu lực;

- Bản công bố tiêu chuẩn cơ sở chất lượng sản phẩm, hàng hóa của nhà sản xuất và Catalogue của nhà sản xuất để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT; Giấy xác nhận sản phẩm đạt phẩm cấp chất lượng theo tiêu chuẩn SAE và API của nhà sản xuất; Giấy cam kết bảo hành, cung cấp hàng hóa của nhà sản xuất.

- Thời gian bảo hành đối với hàng hóa ≥ 36 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

1.2.3. Các yêu cầu khác

- Trong thời gian giao bảo hành, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá và vật chứa.

Yêu cầu về kỹ thuật đối với các loại hàng hóa sẽ cung cấp cho gói thầu

Sai số cho phép đối với 1 số thông số của hàng hóa chào thầu: Không quá 2% về kích thước và khối lượng/trọng lượng của hàng hóa (nếu có).

Bảng số 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng RON 95-III (Theo tiêu chuẩn TCVN 6776: 2024)

S T T	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số octan (RON),min	90/92/9 5	92/95/9 7	92/95/9 7	92/95/9 7	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237)

						TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, °C -10% thể tích, °C, max -50% thể tích, °C, max -90% thể tích, °C, max -Điểm sôi cuối, °C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/ 3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) mg/100mg, max	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381
6	Độ ổn định ô xy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C,kPa	43-75	43-75	43-75	43-75	TCVN 7023 ASTM D 5191 TCVN 11588 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 6703 ASTM D 3606 TCVN 3166 ASTM D 5580
10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	2,7	2,7	2,7	2,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C≥5) Riêng MBTE	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815

	-Aceton					
14	Khối lượng riêng ở 15 ⁰ C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831
16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176

Bảng số 2. Dầu DO 0.05S-II: Theo quy chuẩn Quốc gia QCVN 1:2022/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 15/12/2022

Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Phương pháp thử
Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
Xêtan, không nhỏ hơn	46	TCVN 7630 (ASTM D 613)
-Tri số xêtan	46	TCVN 3180 (ASTM D 4737)
-Chỉ số xêtan		
Nhiệt độ cất, °C , không lớn hơn	360	TCVN 2698 (ASTM D 86)
- 90% thể tích thu hồi	-	
- 95% thể tích thu hồi		
Điểm chớp cháy cốc kín, °C, không nhỏ hơn	55	TCVN 6608 (ASTM D 3328) TCVN 2693 (ASTM D 93)
Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s		
- Không nhỏ hơn	2,0	TCVN 3171 (ASTM D 445)
- Không lớn hơn	4,5	
Điểm chảy (điểm đông đặc) °C		
- Mùa hè	+12	TCVN 3753 (ASTM D 97)
- Mùa đông	+3	
Hàm lượng nước, mg/kg, không lớn hơn	200	TCVN 3182 (ASTMD 6304)

Hàm lượng hydrocacbon chất thơm đa vòng (PHA), % khối lượng, không lớn hơn	-	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
Tạp chất dạng hạt, mg/1, không lớn hơn	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)

Bảng số 3. Sản phẩm dầu nhờn động cơ Diesel 15W40 mà nhà thầu chào thầu phải cung cấp đầy đủ và đạt được các chỉ tiêu đáp ứng tiêu chuẩn của dầu nhờn động cơ Diesel 15W40 theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2005:2018, cụ thể sau đây:

Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu
1. Cấp phẩm chất \geq phân cấp theo API	CH-4
2. Cấp độ nhớt (theo SAE)	15W-40
3. Độ nhớt động học ở 40°C ; mm ² /s	99÷140
4. Độ nhớt động học ở 100°C ; mm ² /s	12,5 ÷ 16,3
5. Khối lượng riêng ở 15°C; g/cm ³	0,85 ÷ 0,95
6. Nhiệt độ chớp cháy cốc hở; °C	≥ 210
7. Nhiệt độ đông đặc; °C	≤ -9
8. Hàm lượng nước; % khối lượng	Không có
9. Trị số kiềm tổng; mgKOH/g dầu	≥ 9
10. Hàm lượng tro Sunfat; % khối lượng	≥ 1
11. Hàm lượng tạp chất cơ học; % khối lượng	Không có
- Chất liệu, dung tích phuy: Phuy 208 lít trở lên bằng thép không bị rò rỉ (mới 100%)	
- Độ dày: Vỏ phuy dày $\geq 0,9$ mm.	
- Thiết kế vỏ phuy: Vỏ phuy có 2 gân tăng cứng chính và 8 đến 10 gân tăng cứng phụ	

- Các thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu thông số Kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng yêu cầu; nhà thầu có thể chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "tốt hơn" so với các yêu cầu trên. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp hồ sơ tài liệu kèm theo để chứng minh.

Vì hiện nay, các tàu của Chủ đầu tư đều đang sử dụng chủng loại dầu nhờn động cơ diesel **Total Rubia Tir 6400 15W40**. Theo Điều lệ công tác Xăng dầu trong Quân đội ban hành theo Thông tư 241/2011/TT-BQP ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, quy định tại Điều 65 về bảo đảm chất lượng xăng dầu trong sử dụng; Chế độ bảo đảm chất lượng xăng dầu ban hành theo Quyết định 432/QĐ-HC ngày 02/8/2017 của Tổng Cục Hậu cần quy định tại Điều 18 yêu cầu kỹ thuật bảo đảm chất lượng xăng dầu đối với các loại trang bị, khí tài có quy định phải xác định đúng chủng loại xăng dầu hoặc tương đương để sử dụng cho phương tiện, vũ khí; Khi thay dầu mỡ phải xả hết dầu cũ, vệ sinh sạch sẽ, tráng rửa bằng dầu mới, xả sạch rồi thay dầu mới vào; Tuyệt đối không được trộn lẫn các loại dầu nhờn trong quá trình sử dụng.

Do đó, nếu trường hợp nhà thầu chào hàng hóa không đúng với sản phẩm mà bên mời thầu đang sử dụng, nhà thầu phải cung cấp hồ sơ tài liệu kèm theo để chứng minh, cụ thể sau đây:

- Trong E-HSDT nhà thầu phải cung cấp bảng công bố chỉ tiêu Kỹ thuật trích lục từ bảng công bố của nhà sản xuất hàng hóa đã được thông báo công khai trên mạng (bản gốc hoặc bản sao y công chứng);

- Trong E-HSDT nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận của nhà sản xuất thiết bị đồng ý phương án thay thế dầu nhờn cho các thiết bị mà chủ đầu tư đang sử dụng (trước khi ký hợp đồng).

- Nhà thầu phải cam kết sản phẩm chào thầu thay thế sản phẩm mà Chủ đầu tư đang sử dụng đã được thay thế là tương đương. Trong E-HSDT, nhà thầu phải cung cấp hồ sơ chứng minh sự phù hợp về chủng loại, chất lượng, tính ổn định trong hoạt động của các phương tiện kỹ thuật, tàu thuyền của các đơn vị khách hàng đã từng thực hiện nội dung thay thế trước.

- Khi tiến hành thay thế chủng loại dầu nhờn đang sử dụng cho các phương tiện của bên mời thầu bằng sản phẩm trúng thầu, nhà thầu phải cam kết chịu toàn bộ chi phí về việc thay thế và hỗ trợ kỹ thuật, gồm các chi phí về: Nhân công, máy móc, nhiên liệu và dầu nhờn tráng rửa, thay thế, vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, PCCC...; cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện của nhà thầu và bên mời thầu trong quá trình thực hiện nội dung. Để thực hiện nội dung này, trong quá trình xây dựng EHSĐT, nhà thầu có thể liên hệ bên mời thầu để được hướng dẫn cụ thể.

- Nhà thầu phải cam kết đền bù mọi tổn thất, thiệt hại nếu sản phẩm thay thế làm hỏng hóc các phương tiện kỹ thuật của bên mời thầu, khi chủ đầu tư có thể chứng minh những hỏng hóc đó do sản phẩm thay thế của nhà thầu gây ra.

- Khi nhà thầu tiến hành các nội dung với bên mời thầu, nhà thầu phải cam kết chấp hành và có phương án thực hiện nghiêm quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý, bảo vệ công trình Quốc phòng và khu vực quân sự. Cụ thể: Khi nhà thầu có nhu cầu hoặc kế hoạch khảo sát, lấy mẫu thử nghiệm tại các phương tiện hoặc làm việc khảo sát kho tàng, hoặc trước khi ký hợp đồng, nhà thầu cần lên danh sách nhân sự sẽ thực hiện các hạng mục công việc của nhà thầu (lái xe, công nhân kỹ thuật ...) kèm theo bản xác minh lý lịch nhân sự (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú) gửi trước cho bên mời thầu từ 03 đến 05 ngày để bên mời thầu rà soát, kiểm tra và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, hỗ trợ nhà thầu thuận lợi trong quá trình làm việc. Khi thực hiện các nội dung này, nếu nhà thầu cần nội dung chi tiết hơn có thể liên hệ Chủ đầu tư (Hải đoàn biên phòng 18) sẽ hỗ trợ cung cấp.

❖ Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa:

- Nhà thầu có Văn bản đảm bảo đủ các nội dung:

+ Cung cấp bản scan từ bản gốc của Giấy phép (Còn hiệu lực) của cơ quan Nhà nước cấp cho của người vận tải về việc vận chuyên hàng hoá nguy hiểm là xăng dầu trên phương tiện ô-tô xi-téc; trường hợp Nhà thầu không phải là người vận tải (không sở hữu ô-tô xi-téc) thì phải cung cấp thêm Hợp đồng vận chuyên với người vận tải;

+ Bản scan từ bản gốc của Giấy chứng nhận kiểm định dung tích xe ô-tô xi-téc khi giao hàng.

+ Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển $\geq 100\%$ Tổng giá trị hàng hóa tham dự thầu.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết về kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão và dịch bệnh để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết minh phân tích cụ thể cung đường vận chuyển, cách thức vận chuyển đảm bảo chất lượng hàng hóa. Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng, chi tiết, hợp lý về phương án đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa theo kế hoạch phù hợp với hiện trạng gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trong quá trình sản xuất (hoặc trong quá trình nhập hàng đối với nhà thầu thương mại) và cung cấp hàng hóa theo quy định, thuyết minh rõ ràng chi tiết các biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra nghiệm thu đảm bảo chất lượng và số lượng đảm bảo tiến độ hợp đồng trong đó phải nêu rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình giao nhận, thuyết minh rõ phương án khi đến địa điểm tập kết (khu vực quân sự, kho chứa của chủ đầu tư) phải có biện pháp bốc xếp hàng hoá xuống bảo đảm chất lượng hàng hoá, thuyết minh rõ ràng chi tiết kế hoạch và giải pháp quản lý nhân sự ra vào cổng Hải đoàn biên phòng 18 phòng ngừa rủi ro gây mất an ninh, an toàn trật tự và cho các hoạt động khác của Hải đoàn biên phòng 18, thuyết minh trách nhiệm của nhà thầu trong trường hợp xảy ra sự cố và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý, phù hợp với hiện trạng, tính chất gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá, bảo quản hàng hoá trước khi giao hàng và trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế với hiện trạng, tính chất gói thầu. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết biện pháp phòng chống cháy nổ, chống tràn dầu, an toàn cho người, phương tiện, hàng hóa, cơ sở vật chất trong quá trình vận chuyển, cung cấp hàng hóa. Có sơ đồ quản lý chất lượng hàng hóa hợp lý, khả thi kèm theo, trong đó phải có các bước, quy trình thể hiện rõ các giai đoạn kiểm tra trong sơ đồ. Nhà thầu phải có bảng tiến độ cung cấp chi tiết kèm theo.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các nội dung bắt buộc cần kiểm tra và thử nghiệm (Theo Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Quy định về Chế độ bảo đảm chất lượng xăng dầu trong Quân đội, ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-HC ngày 02/8/2017 của Tổng cục Hậu cần) được tóm tắt tại mục 3.1 và mục 3.2 dưới đây.

3.1 Kiểm tra và thử nghiệm nhiên liệu khi giao nhận hàng

- Kiểm tra hành chính;
- Kiểm tra niêm phong vật chứa;
- Kiểm tra nhanh bằng mắt thường;
- Lấy mẫu tại 100% số phương tiện vận chuyển đến để lưu và hậu kiểm;
- Tiến hành tạm nhập hàng vào kho;
- Lấy mẫu trung bình của đợt nhập hàng để phân tích chất lượng toàn bộ;

- Đánh giá chất lượng xăng dầu, làm thủ tục nhập hàng chính thức.

3.2 Kiểm tra và thử nghiệm dầu nhớt động cơ ô tô khi giao nhận hàng

- Kiểm tra hành chính; thống kê chủng loại, số lô sản xuất, số lượng hàng của từng lô sản xuất, quy cách bao gói của nhà sản xuất;

- Bên nhận tổ chức kiểm tra trọng lượng hàng hoá bằng cách cân từ 5-10% lô hàng của Nhà thầu để xác định số lượng hàng nhập gửi. Nếu có sự chênh lệch giữa trọng lượng thực tế với trọng lượng ghi trên bao bì hoặc chênh lệch các vật chứa có cùng dung tích $\geq 0,2$ Kg, thì hai bên cùng tổ chức cân 100% số lượng hàng nhập gửi kho. Bên giao hàng phải bảo đảm vật tư (viết lại nhãn hàng hoá theo trọng lượng thực tế) và chi phí cho việc cân lại toàn bộ lô hàng. Hai bên tiến hành làm biên bản nhập gửi tại kho nhận hàng;

- Hai bên tổ chức lấy mẫu phân tích kiểm tra chất lượng nhập hàng. Mẫu này được chia ít nhất thành 03 phần mẫu (Mỗi phần mẫu: 02kg) và được niêm phong (Một mẫu được giao cho Nhà thầu lưu, một mẫu lưu tại kho nhận hàng và một mẫu gửi phân tích chất lượng);

- Đánh giá chất lượng dầu nhớt, làm thủ tục nhập hàng chính thức.